

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; số định danh cá nhân: 064095001638; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 2000; số định danh cá nhân: 052300000537; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kiều N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/11/2017 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy N1, sinh ngày 28/10/2019, khi cháu B, cháu N1 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002122 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Kiều N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường An Bình (để ghi vào sổ hộ tịch, số 88 năm 2018 (xã Tân An));
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Bích Thảo